

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam điều chỉnh trong phiên giao dịch ngày hôm nay trước các thông tin chưa chính thức về ca nhiễm Covid-19 mới trong cộng đồng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến điều chỉnh tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK châu Á

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

MWG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể mở lại 1 phần vị thế khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần nhưng nên khống chế tỷ trọng thấp và chỉ mang tính trading T+. Trong kịch bản chỉ số hồi phục sớm, việc thu hẹp tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn có thể tiếp tục được thực hiện

30/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,003.08	-0.71
VN30	965.89	-0.54
HĐTL VN30F1M	966.00	-0.87
HNXIndex	147.70	-0.32
HNX30	266.99	-0.45
UPCoM	66.90	+0.16
USD/VND	23,145	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.44	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	44.69	-1.84
Vàng (LME, \$)	1,780.03	-0.43



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,003.08 (-0.71%)
KLGD (triệu CP) 450.9 (+18.8%)
GTGD (triệu U\$) 448.4 (+5.2%)

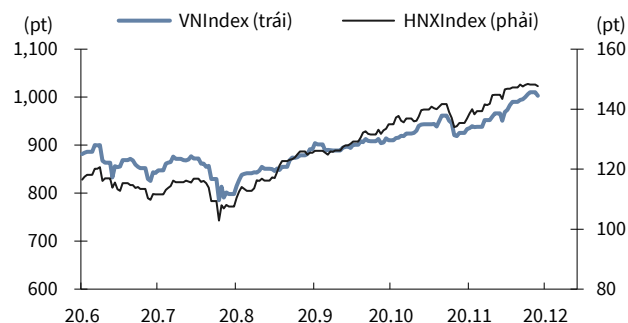
HNXIndex 147.70 (-0.32%)
KLGD (triệu CP) 57.9 (+11.0%)
GTGD (triệu U\$) 41.2 (+28.9%)

UPCoM 66.90 (+0.16%)
KLGD (triệu CP) 21.7 (-66.5%)
GTGD (triệu U\$) 14.2 (+6.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +6.1

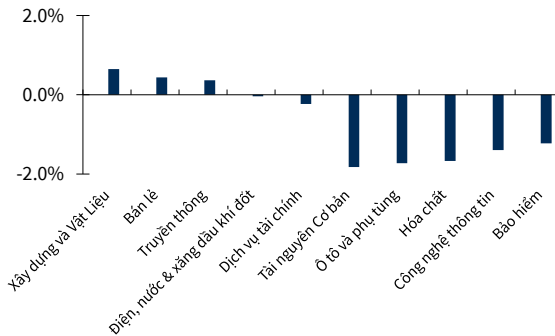
TTCK Việt Nam điều chỉnh trong phiên giao dịch ngày hôm nay trước các thông tin chưa chính thức về ca nhiễm Covid-19 mới trong cộng đồng. Nhóm cổ phiếu ngân hàng phản ứng tiêu cực trước thông tin trên ở VCB (-1.6%), CTG (-1.6%). Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, dự báo tổng trị giá xuất khẩu dệt may cả năm đạt khoảng 33.5-34 tỷ USD (tăng so với mức dự báo 30-31 tỷ USD đưa ra hồi tháng 4/2020) giúp cổ phiếu nhóm dệt may giao dịch tích cực hơn thị trường chung VGG (+4.4%), GMC (+0.3%). Cổ phiếu nhóm bán lẻ tăng giá FRT (+7%), MWG (+0.4%) trước thông tin từ Tổng cục thống kê cho biết tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2020 tăng 8.5% so với cùng kỳ. Cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá ở NTC (+6.1%), KBC (+1.3%) trước thông tin Ngân hàng UOB và Cục đầu tư nước ngoài (FIA) và Bộ kế hoạch và Đầu tư Việt Nam vừa ký tiếp Biên bản hợp tác nhằm thúc đẩy vốn FDI vào Việt Nam. Khối ngoại mua ròng tại FUEVFVND (+2.24%), DHC (+1.2%), VRE (+1.62%).

VNIndex & HNXIndex



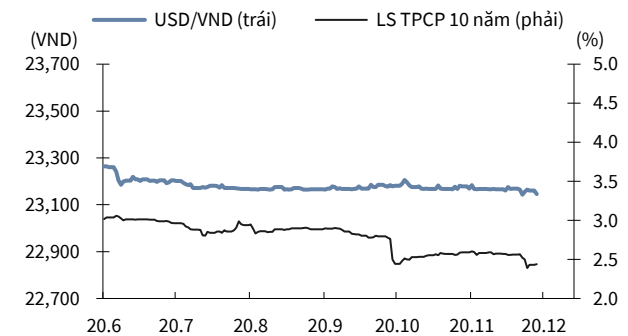
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

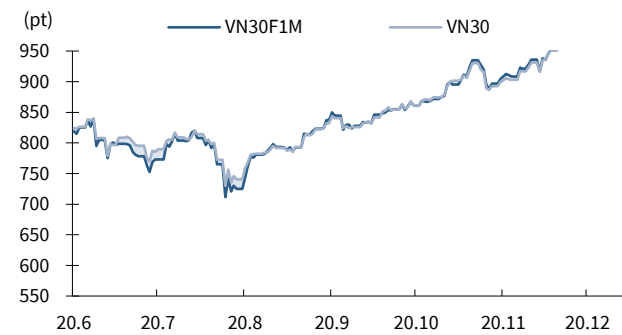
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	965.89 (-0.54%)
VN30F1M	966.0 (-0.87%)
Mở cửa	975.5
Cao nhất	975.6
Thấp nhất	966.0

HĐTL diễn biến điều chỉnh tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK châu Á khi bên LONG chốt lời vị thế cuối tháng. Chênh lệch F2012 và Vn30 mở cửa ở 4.39, và thu hẹp dần, đóng cửa ở mức 0.11. NĐTNN mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay và thanh khoản không thay đổi nhiều so với phiên trước.

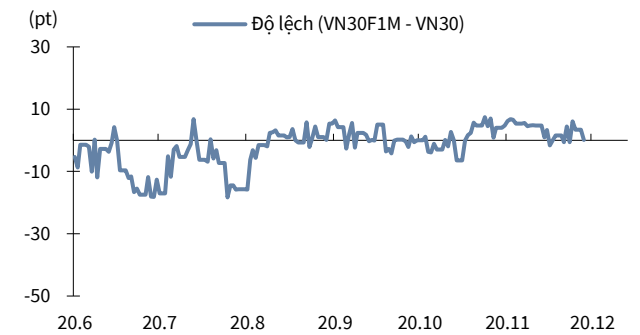
KLGD (HĐ) **92,783 (+1.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



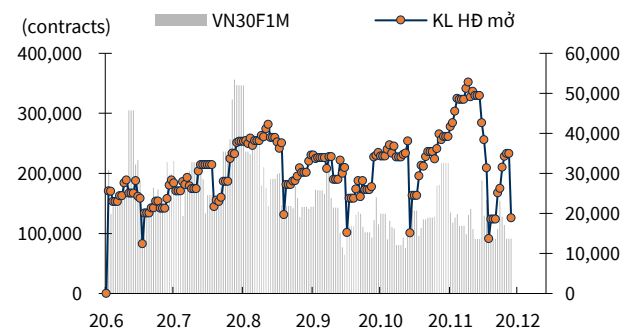
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



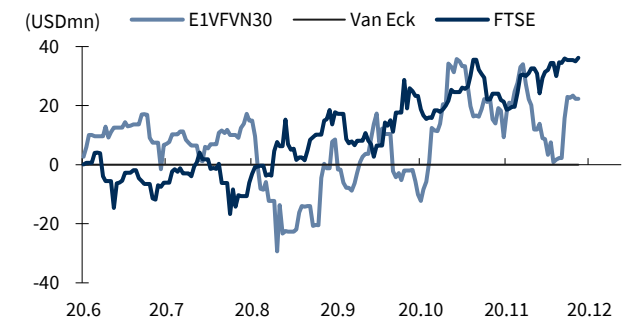
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

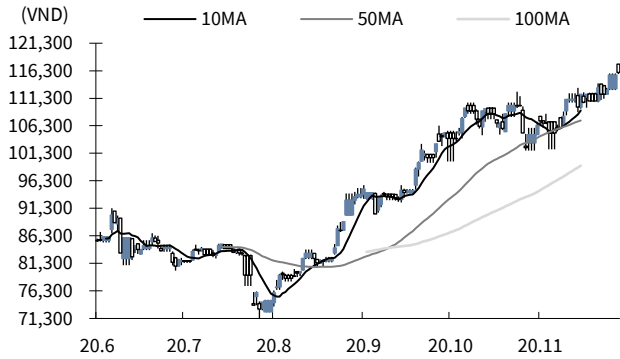
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Thế Giới Di Động (MWG)



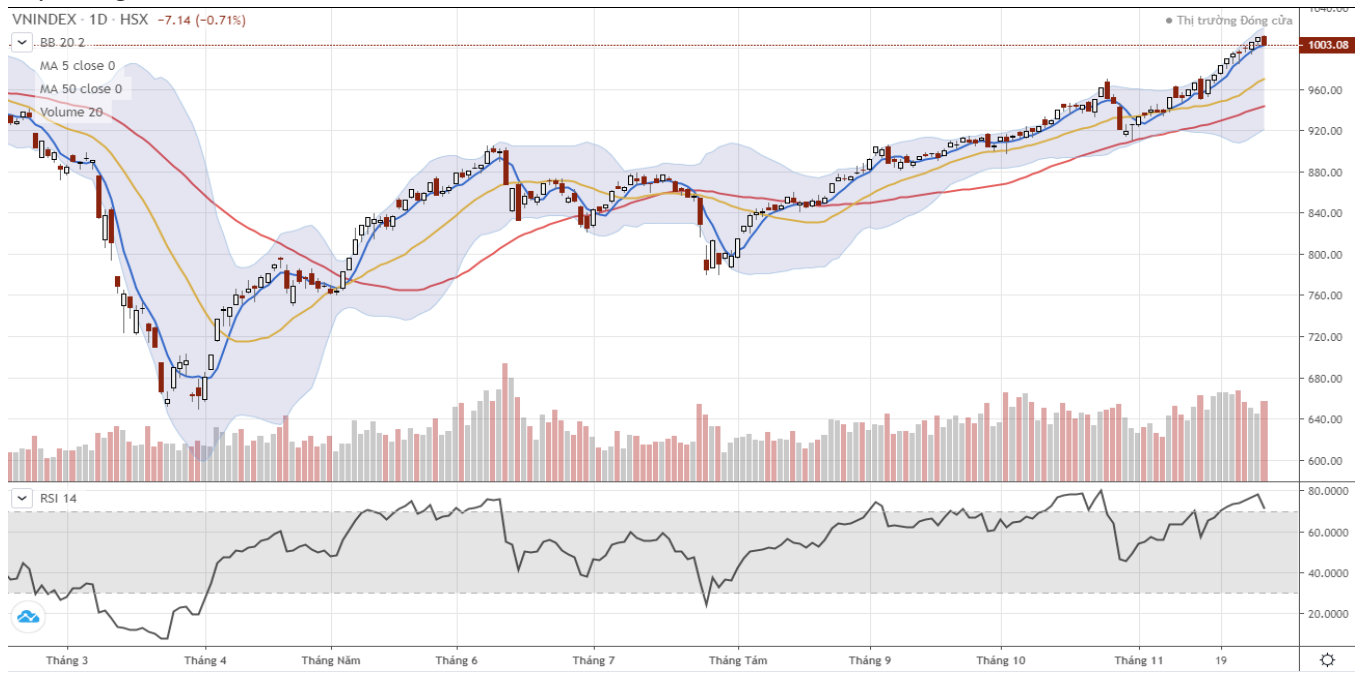
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 0.4% lên 116,000 VNĐ/cp.
- MWG mới đây khai trương mô hình kết hợp Bách Hoá Xanh và Nhà thuốc An Khang trong cùng một điểm bán. Cụ thể, theo ban lãnh đạo, MWG sẽ bố trí diện tích 20 - 30 m² cho mỗi nhà thuốc ứng với các cửa hàng BHX có lưu lượng khách trên 1,000 người/ngày, dự kiến số lượng nhà thuốc có thể đạt 100 cửa hàng trong vòng 1 năm.
- Theo thống kê, lượng khách hàng ghé mua hàng trung bình cho toàn hệ thống Bách Hóa Xanh với 1,600 cửa hàng đạt khoảng 450 - 500 lượt khách/cửa hàng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

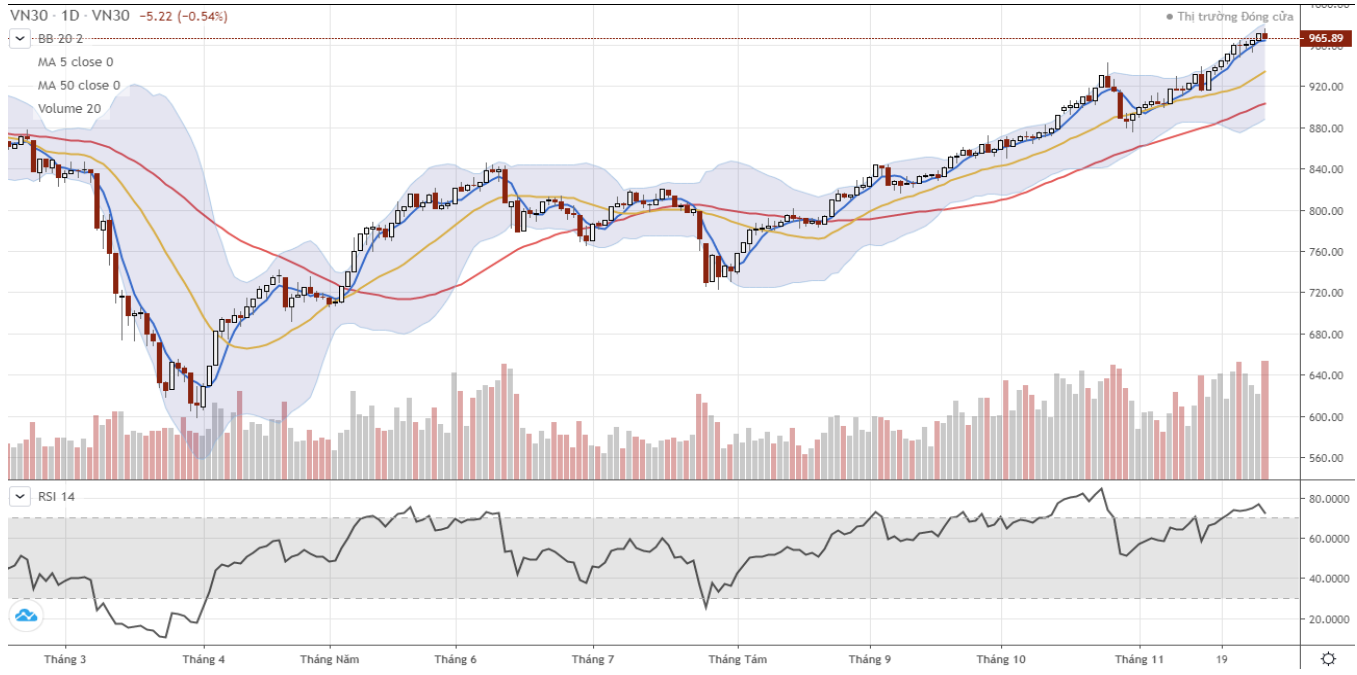
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



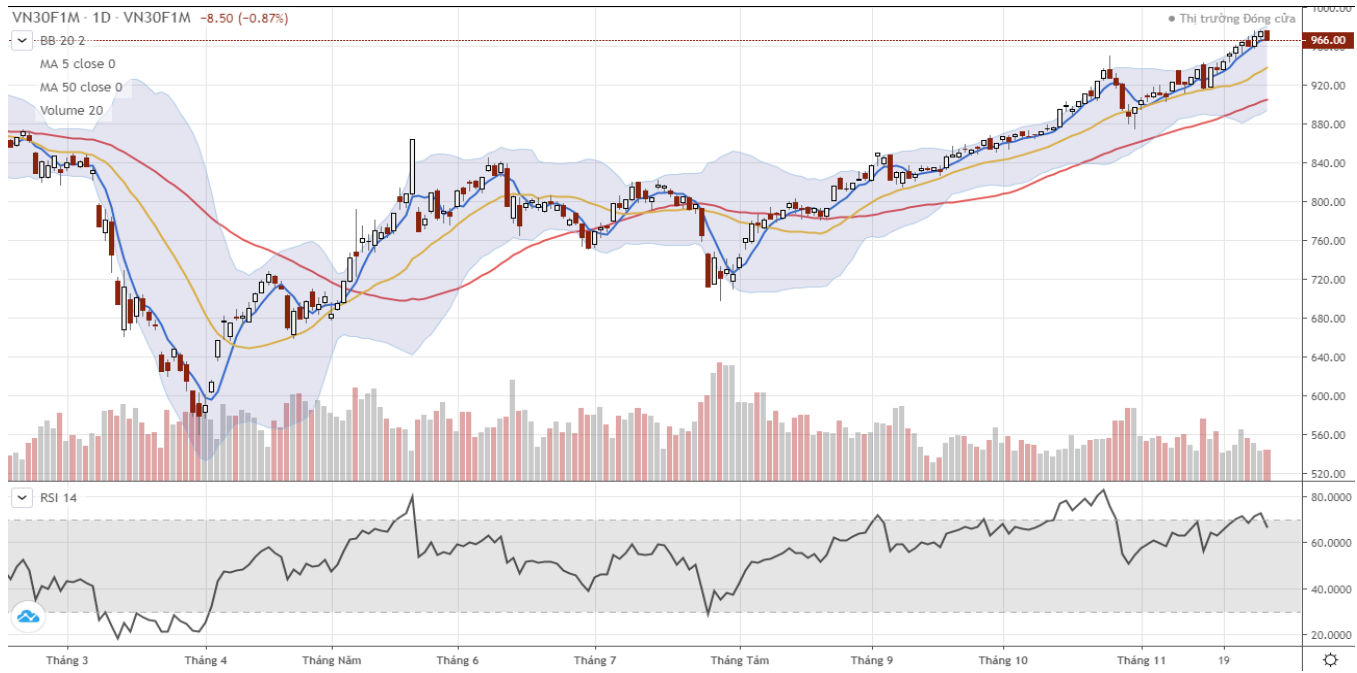
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau khi mở gap tăng nhẹ đầu phiên, VNIndex điều chỉnh linh xình trong phần lớn thời gian trước khi lao dốc về cuối phiên, chấm dứt chuỗi tăng 9 phiên liên tiếp.
- Với sự hình thành của mẫu nến Bearish Engulfing, nhịp điều chỉnh nhiều khả năng sẽ tiếp tục mở rộng xuống vùng giá thấp hơn với điểm đỡ gần đáng lưu ý nằm tại quanh 980.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở lại 1 phần vị thế khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần nhưng nên khống chế tỷ trọng thấp và chỉ mang tính trading T+. Trong kịch bản chỉ số hồi phục sớm, việc thu hẹp tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn có thể tiếp tục được thực hiện.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 977 - 980

Kháng cự gần: 970 - 972

Hỗ trợ gần: 962 - 964

Hỗ trợ xa: 957 - 960

- F1 diễn biến giằng co điều chỉnh trong phần lớn thời gian trước khi mở rộng đà giảm về cuối phiên.
- Với sự hình thành của mẫu nến Bearish Engulfing, nhịp điều chỉnh nhiều khả năng sẽ tiếp tục mở rộng xuống vùng giá thấp hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ các vị thế SHORT đã mở, chỉ STOP nếu F1 có thể vượt qua vùng kháng cự gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

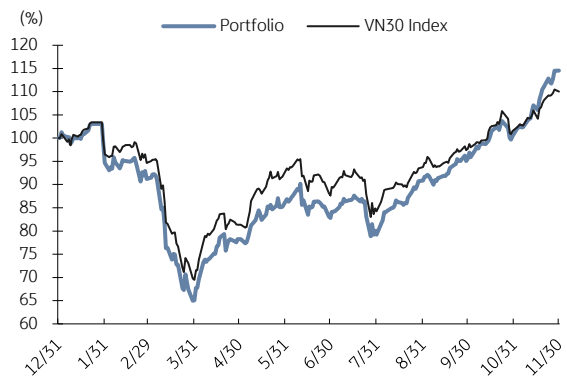
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.40%	0.05%
Tăng lũy kế (YTD)	10.03%	14.54%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	116,000	0.4%	0.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,800	0.5%	17.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	77,900	-1.1%	1.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,350	1.8%	18.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	48,600	2.1%	42.9%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,800	-0.7%	66.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,500	-1.6%	37.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	83,500	0.0%	13.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	35,500	-2.1%	81.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	15,850	1.3%	15.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	2.2%	99.7%	308.7
DHC	1.2%	28.6%	49.6
VRE	1.6%	30.7%	36.6
BCM	2.2%	1.8%	13.2
VPB	-0.7%	23.0%	12.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	-1.6%	29.0%	-87.3
GMD	-0.7%	49.0%	-58.0
FRT	7.0%	34.5%	-33.0
MBB	1.8%	23.0%	-29.2
CII	-0.9%	29.8%	-20.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SZB	0.3%	0.5%	3.9
TNG	-1.4%	4.7%	0.7
HLD	3.1%	8.2%	0.3
BAX	-1.0%	4.4%	0.2
DP3	0.0%	1.1%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-0.7%	8.0%	-2.1
VCS	-0.6%	2.9%	-1.3
BVS	-0.9%	23.4%	-1.2
CVN	-1.6%	0.8%	-1.0
VCG	-1.2%	0.2%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	2.4%	MWG, FRT
Ngân hàng	2.4%	VCB, MBB
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.0%	LGC, REE
Dịch vụ tài chính	1.9%	SSI, VND
Bất động sản	1.6%	VHM, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-3.6%	HPG, TTF
Ô tô và phụ tùng	-2.8%	TCH, SVC
Bảo hiểm	-2.3%	BVH, BIC
Công nghệ thông tin	-1.1%	FPT, SAM
Du lịch và Giải trí	-1.0%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	19.2%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	16.3%	HPG, POM
Hàng cá nhân & Gia dụng	12.5%	PNJ, TCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.8%	GAS, BWE
Xây dựng và Vật Liệu	10.7%	VG, CVT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.2%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-0.3%	TCH, CSM
Thực phẩm và đồ uống	0.0%	MSN, VNM
Bảo hiểm	2.7%	BIC, PGI
Dầu khí	2.7%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	103,900	351,435 (15,184)	89,486 (3.9)	22.8	56.5	41.7	19.5	6.7	8.7	4.0	3.7	-1.1	0.2	-2.3	-9.6
	VHM	VINHOMES JSC	82,600	271,714 (11,740)	218,796 (9.4)	27.1	10.2	8.8	35.1	38.2	31.8	3.2	2.4	-0.5	2.5	8.7	-2.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,200	64,079 (2,769)	137,278 (5.9)	18.3	27.0	20.0	-2.7	8.3	11.5	2.2	2.1	1.3	1.4	11.1	-17.4
	NVL	NO VA LAND INVES	60,600	59,757 (2,582)	84,057 (3.6)	32.9	15.7	15.1	3.5	15.8	13.9	2.4	-	-0.5	-1.8	-2.3	1.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	26,750	14,948 (646)	48,398 (2.1)	10.1	13.8	11.6	14.3	14.1	15.6	1.8	1.6	1.3	0.6	7.0	4.4
	DXG	DAT XANH GROUP	13,900	7,204 (311)	88,149 (3.8)	12.7	17.5	7.0	-55.3	3.1	14.0	1.0	0.9	-0.7	1.4	22.6	-2.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	93,000	344,926 (14,903)	80,024 (3.5)	6.3	21.2	18.1	10.4	19.4	19.0	3.6	3.0	-1.6	1.5	12.0	3.1
	BID	BANK FOR INVESTM	41,700	167,718 (7,246)	67,818 (2.9)	12.7	26.3	18.4	-3.9	9.1	11.5	2.0	1.9	-1.8	1.5	8.3	-9.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	24,100	84,353 (3,645)	428,128 (18.5)	0.0	7.8	6.7	6.0	16.1	16.0	1.2	1.0	1.7	2.1	12.9	2.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	33,500	124,734 (5,389)	269,062 (11.6)	1.0	14.2	10.7	28.9	12.4	14.6	1.5	1.4	-1.6	1.8	15.5	60.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	26,800	65,332 (2,823)	163,503 (7.1)	0.4	7.9	6.8	5.3	17.9	16.9	1.3	1.1	-0.2	5.7	14.2	34.8
	MBB	MILITARY COMMERC	20,350	56,433 (2,438)	184,929 (8.0)	0.0	7.2	6.2	10.2	18.5	17.7	1.2	1.0	1.8	6.0	14.3	12.5
	HDB	HDBANK	22,000	35,063 (1,515)	109,260 (4.7)	3.6	7.8	6.7	26.5	19.2	18.7	1.3	1.1	2.6	8.4	15.4	31.8
	STB	SACOMBANK	14,650	26,424 (1,142)	177,067 (7.6)	14.5	15.1	11.8	11.5	7.2	8.4	0.9	0.9	1.0	0.3	10.2	45.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,300	22,248 (961)	50,686 (2.2)	0.0	6.8	6.2	34.7	22.3	20.1	1.4	1.1	6.8	11.0	19.5	29.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (914)	4,902 (0.2)	0.0	24.8	28.3	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	0.6	0.3	0.0	-3.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	55,000	40,828 (1,764)	46,885 (2.0)	20.5	32.1	26.1	4.6	6.6	8.2	2.1	2.0	-1.4	-3.2	8.9	-19.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,800	2,814 (122)	12,592 (0.5)	14.5	16.8	14.8	9.7	8.5	9.4	1.2	1.2	-0.2	6.6	15.8	23.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,250	11,568 (500)	102,826 (4.4)	51.6	13.0	11.9	-15.9	9.2	9.7	-	-	-0.5	2.9	12.6	23.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	41,700	6,906 (298)	41,026 (1.8)	73.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	1.3	13.0	41.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	24,200	7,382 (319)	67,587 (2.9)	51.7	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	0.2	17.4	13.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	18,250	3,806 (164)	32,337 (1.4)	15.9	-	-	-	-	-	-	-	0.3	5.8	23.3	26.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,200	226,100 (9,769)	211,055 (9.1)	42.0	21.7	19.9	7.1	38.3	39.1	7.7	7.0	-1.2	-1.9	0.5	11.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	191,500	122,805 (5,306)	23,109 (1.0)	36.9	28.8	23.8	2.8	22.2	24.7	6.0	5.3	-0.1	0.5	3.9	-16.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	82,000	96,324 (4,162)	134,196 (5.8)	15.4	104.2	38.5	-58.2	2.4	6.7	3.0	2.9	-2.0	-1.3	-2.4	45.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,700	16,296 (704)	31,294 (1.4)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	1.0	19.5	34.2	5.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	117,500	61,551 (2,659)	65,471 (2.8)	11.7	-	20.3	-90.9	0.0	19.7	4.3	3.8	-1.3	-1.2	16.1	-19.6
	GMD	GEMADEPT CORP	27,800	8,255 (357)	37,604 (1.6)	0.0	20.5	18.3	-53.3	6.8	7.4	1.4	1.4	-0.7	1.6	18.6	19.3
	CII	HO CHI MINH CITY	17,250	4,120 (178)	26,012 (1.1)	40.2	9.1	8.5	135.9	9.1	8.9	0.8	0.7	-0.9	-1.1	4.9	-23.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (053)	9,127 (0.4)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-0.9	-0.9	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,450	9,611 (415)	186,441 (8.0)	35.7	25.1	10.8	-20.9	10.5	13.6	-	-	-2.4	-4.9	7.6	5.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	64,200	4,898 (212)	57,252 (2.5)	3.0	8.0	9.1	-33.8	7.4	6.5	0.6	0.6	0.8	1.7	13.8	25.1
	REE	REE	48,600	15,068 (651)	20,242 (0.9)	0.0	9.8	8.9	-9.0	13.6	13.8	1.3	1.2	2.3	5.8	16.2	34.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	83,500	159,815 (6,905)	100,823 (4.4)	46.0	19.8	16.8	-14.2	17.0	18.4	3.2	3.1	0.4	0.4	19.0	-10.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,800	6,564 (284)	4,019 (0.2)	29.6	10.1	9.7	-7.3	15.5	16.5	1.6	1.5	0.4	-0.4	0.4	5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,900	7,663 (331)	3,596 (0.2)	33.6	9.1	8.8	-13.6	14.4	14.6	1.3	1.2	2.4	3.2	5.8	-11.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	35,500	117,622 (5,082)	727,514 (31.4)	15.5	10.4	8.7	14.9	20.7	20.6	2.1	1.7	-2.1	-5.3	16.2	81.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,150	6,711 (290)	48,618 (2.1)	36.3	9.8	10.3	7.1	9.6	8.7	0.8	0.8	-1.4	0.0	5.5	32.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,900	6,300 (272)	43,715 (1.9)	45.5	10.5	19.7	1.0	10.3	5.7	1.0	1.0	-2.1	-2.1	0.0	83.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,000	7,997 (346)	226,691 (9.8)	37.7	7.8	6.4	71.2	14.5	14.4	1.0	0.9	-3.0	1.7	20.0	142.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,700	2,816 (122)	22,702 (1.0)	97.8	6.9	7.7	39.3	13.3	10.5	0.7	0.6	3.7	3.3	16.5	5.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,800	61,916 (2,675)	31,055 (1.3)	4.2	54.5	17.4	-42.9	5.0	15.1	2.5	2.3	-1.0	0.2	3.7	-9.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,950	5,454 (236)	94,952 (4.1)	40.1	49.7	50.9	-14.7	0.8	1.0	0.4	0.4	-1.9	2.8	19.4	-14.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,550	4,062 (175)	39,535 (1.7)	32.1	8.5	7.8	-11.1	10.5	10.6	0.8	0.8	-2.3	-4.4	9.8	-14.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	116,000	52,502 (2,268)	114,000 (4.9)	0.0	13.9	10.3	11.5	27.0	28.9	3.4	2.7	0.4	2.5	10.8	1.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	77,900	17,537 (758)	87,729 (3.8)	0.0	18.9	15.6	1.3	21.0	23.5	3.5	3.2	-1.1	1.6	12.1	-9.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,100	1,379 (060)	1,542 (0.1)	70.0	18.5	13.5	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	0.0	-1.3	-1.8	19.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,750	1,876 (081)	13,233 (0.6)	14.6	15.9	11.2	-48.5	6.8	12.1	1.3	1.1	7.0	6.0	13.9	12.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,400	8,591 (371)	73,365 (3.2)	36.3	8.6	8.0	25.2	36.4	31.8	2.9	2.5	-0.2	-2.5	15.1	66.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,500	13,532 (585)	500 (0.0)	45.2	18.8	17.7	13.6	21.4	20.3	3.5	3.3	0.1	0.9	1.5	13.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,100	5,558 (240)	1,369 (0.1)	29.9	15.8	-	7.3	16.4	-	2.6	-	-0.3	0.3	6.9	36.5
IT	FPT	FPT CORP	55,400	43,428 (1,876)	113,589 (4.9)	0.0	12.7	11.0	19.1	22.7	23.5	2.6	2.3	-0.7	-0.2	8.3	10.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.